

MIRAE ASSET

Building on experience  
Building on principlesCÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)  
MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITEDPhụ lục XXIV: Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng  
Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of Minister of MCF)CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness  
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025  
Hanoi, 21 Mar 2025BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUEKính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh  
To: - State Securities Commission of Vietnam  
- Ho Chi Minh City Stock Exchange

1	Tên Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
2	Tên ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Shinhan Bank Vietnam Limited
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND MAFM VNDIAMOND ETF
4	Mã Quỹ: Fund name:	FUEMAVND FUEMAVND
5	Kỳ báo cáo Reporting period:	Từ ngày 14 tháng 03 năm 2025 đến ngày 20 tháng 03 năm 2025 From 14 Mar 2025 to 20 Mar 2025
6	Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	21/03/2025 21-Mar-2025

Đơn vị tính/ Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 20/03/2025	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 13/03/2025
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị đầu kỳ At the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund	339,344,841,586	344,819,586,665
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,379,450,576	1,401,705,637
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	13,794.50	14,017.05
2	Giá trị cuối kỳ At the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	327,986,752,974	339,344,841,586
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,360,940,884	1,379,450,576
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	13,609.40	13,794.50
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund Certificate during period, of which:		
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to fund's investment during the period	(4,528,441,887)	(5,474,745,079)
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	(6,829,646,725)	-
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value due to distribute the profit to investors during the period		
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of NAV per fund unit in comparison with last period	(185.10)	(222.55)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	450,585,053,811	450,585,053,811
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	326,662,028,048	327,240,011,492
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	14,090	14,150
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	13,640	14,090
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison with the last period	(450)	(60)
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	30.60	295.50
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/premium(+))	0.22%	2.14%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	14,260	14,260
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	12,170	12,160

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
Authorised Representative of Supervisory BankNGÂN HÀNG  
SHINHAN  
MỘT THÀNH VIÊN  
SHINHANNgân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam  
Shinhan Bank Vietnam Limited

Kim Daejin

Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán  
Director of Securities Services DepartmentĐại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management CompanyTRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
QUẢN LÝ QUỸ  
MIRAE ASSETCông ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)  
Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited

Suh Jin Wook

Tổng giám đốc  
General Director